

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **25/2019/HNGĐ-ST**

Ngày **13/5/2019**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Trúc G** – sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: số 288, tổ 04, ấp V 1, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc N** - sinh năm 1991 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Nguyễn Trúc G trình bày:** Chị Nguyễn Trúc G và anh Nguyễn Ngọc N chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 25/5/2016, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do chị G làm đơn xin ly hôn; Thời gian đầu chị G, anh N chung sống hạnh phúc, đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N có người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên đi uống rượu, bia về nhà thì đôi bên lời qua tiếng lại, anh N đánh

chị G, chị G khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Thấy tiếp tục chung sống với nhau không có hạnh phúc nên chị G làm đơn xin ly hôn.

- Về con chung: Không có, hiện nay chị G cũng không có thai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị G yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Ngọc N để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh N vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh N vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc N.

Xét thấy anh N chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị G tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh N không đến Tòa án.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị G, anh N chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 25/5/2016, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;

nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Do chị G, anh N có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Nay chị G có yêu cầu ly hôn với anh N. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa chị G và anh N là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị G xác nhận chung sống với anh N không có con và hiện tại cũng không có thai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang và nợ chung: Chị G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Trường hợp anh N cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị G phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Nguyễn Trúc G và anh Nguyễn Ngọc N là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Trúc G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005263 ngày 14/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến